

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** C1.A108
Môn thi: Kỹ năng đọc **Ca thi:** 7h30 **Ngày thi:** 11/01/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0028	SV5899248	Nguyễn Minh	Đức	02/02/1999		
2	TA0029	SV5899249	Phạm Anh	Đức	20/03/1999		
3	TA0030	SV5899250	Dư Văn	Dũng	02/11/1999		
4	TA0031	SV5899251	Đoàn Hải	Dương	29/01/1999		
5	TA0032	SV5899252	Lê Đức Đại	Dương	14/03/1999		
6	TA0033	SV5899253	Nguyễn Đình	Dương	21/01/1998		
7	TA0034	SV5899254	Nguyễn Hồng	Dương	04/04/1999		
8	TA0035	SV5899255	Nguyễn Ngọc	Dương	20/01/1999		
9	TA0036	SV5899256	Nguyễn Khánh	Duy	24/09/2000		
10	TA0037	SV5899257	Cao Thị Hà	Giang	09/10/1999		
11	TA0038	SV5899258	Lê Minh	Giang	14/09/1999		
12	TA0039	SV5899259	Nguyễn Thị	Hà	15/03/1999		
13	TA0040	SV5899260	Nguyễn Thị	Hà	25/08/1999		
14	TA0041	SV5899261	Mai Hoàng	Hải	20/10/1999		
15	TA0042	SV5899262	Phạm Thị Kim	Hằng	22/03/1999		
16	TA0043	SV5899263	Lê Thị Việt	Hằng	14/04/2000		
17	TA0044	SV5899264	Đào Minh	Hiếu	08/12/1999		
18	TA0045	SV5899265	Lê Minh	Hiếu	27/07/1999		
19	TA0046	SV5899266	Phạm Huy	Hiệu	14/10/1999		
20	TA0047	SV5899267	Nguyễn Thị	Hoa	20/05/1999		
21	TA0048	SV5899268	Ngô Huy	Hoàng	19/12/1995		
22	TA0049	SV5899269	Nguyễn Việt	Hoàng	05/06/1999		
23	TA0050	SV5899270	Trương Việt	Hoàng	02/03/1999		
24	TA0051	SV5899271	Trần Thu	Huệ	11/12/1999		
25	TA0052	SV5899272	Trần Mạnh	Hùng	23/03/1999		
26	TA0053	SV5899273	Lê Văn	Hưởng	25/03/1999		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0054	SV5899274	Bùi Gia Hoàng	Huy	18/08/1999		
28	TA0221	SV5899282	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/10/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)